



QUẢN LÝ ĐỘI NGŨ CCVC CỦA TỈNH SÓC TRĂNG ĐÁP ỨNG CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH, HƯỚNG TỚI XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN SỐ.

Nguyễn Thanh Bình

Giám đốc Trung tâm Thông tin, Bộ Nội vụ



NỘI DUNG

1. TỔNG QUAN VỀ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ QUỐC GIA; XÂY DỰNG CSDL QUỐC GIA VỀ CBCCVV.

2. HIỆN TRẠNG VỀ CCHC, XÂY DỰNG CSDL CBCCVV CỦA TỈNH SÓC TRĂNG

- Những nội dung thực hiện tốt.
- Một số tồn tại; cần lưu ý.

3. KHUYẾN NGHỊ TRIỂN KHAI CĐS TRONG VIỆC XÂY DỰNG CSDL CBCCVV NĂM 2023

PHẦN 1: TỔNG QUAN VỀ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ QUỐC GIA; XÂY DỰNG CSDL QUỐC GIA VỀ CBCCVN



1. Việt Nam là nước XHCN, có những tồn tại, bất cập trong quá trình phát triển, đặc biệt là về kinh tế.

2. Việt Nam bắt đầu **công cuộc đổi mới (lần thứ nhất)** năm 1986, trong đó nhấn mạnh cần phải CCHC, vì:

a) Sự phát triển xã hội, đặc biệt là kinh tế;

b) Sự kém hiệu lực; hiệu quả của nền hành chính;

c) Yêu cầu của người dân, doanh nghiệp về sự phục vụ tốt hơn, hiệu quả hơn.

Cụ thể:

+ “**Đề ra chủ trương thực hiện một cuộc cải cách lớn về tổ chức bộ máy của các cơ quan Nhà nước**” (Đại hội lần thứ VI, năm 1986)

+ “Tiếp tục cải cách bộ máy nhà nước theo phương hướng: Nhà nước thực sự là của dân, do dân và vì dân. Nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật, dưới sự lãnh đạo của Đảng; tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ, thực hiện thống nhất quyền lực nhưng phân công, phân cấp rành mạch; bộ máy tinh giản, gọn nhẹ và hoạt động có chất lượng cao trên cơ sở ứng dụng các thành tựu khoa học, kỹ thuật, quản lý” (*Đại hội VII năm 1991*).

+ *Các Đại hội VIII(1996); IX(2001); X(2006); XI(2011); XII(2016); XIII(2021): Tiếp tục khẳng định cần phải CCHC, nhất là thủ tục hành chính; tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động của Chính phủ theo hướng xây dựng nền hành chính thống nhất, thông suốt, trong sạch, vững mạnh, có hiệu lực, hiệu quả; tổ chức tinh gọn và hợp lý...*”

3. Chính phủ Việt Nam, đặc biệt là Thủ tướng Chính phủ - Người đứng đầu nền hành chính đã và đang quyết liệt triển khai Chương trình tổng thể CCHC (10 năm một lần - Đại hội IX, XI, XIII) trong đó có nội dung quan trọng là: **Ứng dụng CNTT** và **Chuyển đổi số**.

- Chương trình tổng thể CCHC **Lần 1** (Quyết định 136/2002/QĐ-TTg ngày 17/9/2001); **Lần 2** (Nghị quyết 30c của CP ngày 8/11/2011) đều coi "**Hiện đại hóa hành chính - Ứng dụng CNTT**" là một nhiệm vụ quan trọng bên cạnh các nhiệm vụ: "Cải cách thể chế; Cải cách thủ tục hành chính; Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước; Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; Cải cách tài chính công".
- Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Kế hoạch: Ứng dụng CNTT trong các cơ quan Nhà nước (QĐ 1605/QĐ-TTg ngày 27/8/2010, 1819/QĐ-TTg ngày 26/10/2015);
- Chính phủ ban hành Nghị quyết về Chính phủ điện tử (NQ 17/NQ-CP 7/3/2019);

- Chương trình tổng thể CCHC **Lần 3** (Nghị quyết 76 của CP ngày 15/7/2021): (6 nội dung CCHC, trong đó có nội dung: “**Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số**”); “Cả hệ thống chính trị vào cuộc để quyết tâm xây dựng **Chính phủ điện tử, Chính phủ số**, thực hiện một trong các khâu đột phá chiến lược mà Nghị quyết Đại hội XIII đã đề ra, trong bối cảnh tác động của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4”.
- Chính phủ ban hành Chiến lược Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 (QĐ 749/QĐ-TTg ngày 3/6/2020); Quyết tâm Xây dựng Chính phủ số, xã hội số, kinh tế số.

(*) 2 Giai đoạn, 2 cách tiếp cận khác nhau: đó là sự khác biệt giữa Ứng dụng CNTT và Chuyển đổi số.

4. CCHC và xây dựng CPĐT, CP số là 2 mặt của 1 vấn đề, có sự tác động qua lại; cần phải thực hiện đồng thời: Nếu không CCHC thì không thể xây dựng CPĐT; ngược lại, nếu đẩy nhanh xây dựng CPĐT sẽ thúc đẩy, tạo động lực, sức ép cho quá trình CCHC.

17 SỰ KHÁC NHAU GIỮA ỨNG DỤNG CNTT VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ

1. Chuyển trọng tâm từ chính quyền sang **người dân**, từ tổ chức sang **nhân viên**, từ doanh nghiệp sang **khách hàng**;
2. Chuyển từ chi phí sang tạo ra lợi ích và giá trị;
3. Chuyển từ phần mềm riêng lẻ sang **nền tảng số** dùng chung;
4. Chuyển từ ứng dụng công nghệ sang **chuyển đổi cách làm việc**;
5. Chuyển từ cách làm từng phần sang làm **toàn diện**;
6. Chuyển trọng tâm từ giám đốc CNTT sang **người đứng đầu**;
7. Chuyển từ máy tính riêng lẻ sang điện toán đám mây;
8. Chuyển từ đầu tư sang **thuê**;
9. Chuyển từ sản phẩm sang **dịch vụ**;
10. Chuyển đổi trọng tâm từ tổ chuyên gia công nghệ sang tổ công nghệ số cộng đồng;

11. Chuyển từ chú trọng vào làm như thế nào sang **làm cái gì**;
12. Chuyển trọng tâm từ người giỏi phần mềm sang người giỏi sử dụng;
13. Chuyển từ hệ thống CNTT sang môi trường số;
14. Chuyển từ tự động hoá sang **thông minh hoá**;
15. Chuyển từ dữ liệu của tổ chức sang **dữ liệu người dùng**;
16. Chuyển đổi từ dữ liệu có cấu trúc sang dữ liệu phi cấu trúc;
17. Chuyển từ CNTT sang CNTT+ (Số hoá toàn diện + Dữ liệu + Đổi mới sáng tạo + Công nghệ số).

(Theo Bộ trưởng Bộ TT&TT Nguyễn Mạnh Hùng, 7/2022)

5. Mục tiêu của chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 (QĐ 749/QĐ-TTg ngày 3/6/2020):

(*) Đến năm 2025:

- 80% dịch vụ công trực tuyến mức độ 4,;
- 90% hồ sơ công việc tại cấp bộ, tỉnh; 80% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 60% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng;
- 100% chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ được kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu số trên Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ;
- 100% cơ sở dữ liệu quốc gia tạo nền tảng phát triển Chính phủ điện tử bao gồm các CSDL quốc gia về Dân cư, Đất đai, Đăng ký doanh nghiệp, Tài chính, Bảo hiểm được hoàn thành và kết nối, chia sẻ trên toàn quốc; từng bước mở dữ liệu của các cơ quan nhà nước để cung cấp dịch vụ công kịp thời, một lần khai báo, trọn vòng đời phục vụ người dân và phát triển kinh tế - xã hội;
- 50% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý;
- Việt Nam thuộc nhóm **70** nước dẫn đầu về Chính phủ điện tử (EGDI). (Năm **2020** Việt Nam xếp **86/193**).

(*) Đến năm 2030:

- 100% dịch vụ công trực tuyến mức độ 4, được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động;
- 100% hồ sơ công việc tại cấp bộ, tỉnh; 90% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 70% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước);
- Hình thành nền tảng dữ liệu cho các ngành kinh tế trọng điểm dựa trên dữ liệu của các cơ quan nhà nước và hạ tầng kết nối mạng Internet vạn vật (IoT), kết nối, chia sẻ rộng khắp giữa các cơ quan nhà nước, giảm 30% thủ tục hành chính; mở dữ liệu cho các tổ chức, doanh nghiệp, tăng 30% dịch vụ sáng tạo dựa trên dữ liệu phục vụ người dân, doanh nghiệp;
- 70% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý;
- *Việt Nam thuộc nhóm 50 nước dẫn đầu về Chính phủ điện tử (EGDI).*

6. Tại sao Việt Nam chọn CĐS là một trong khâu đột phá để phát triển đất nước trong thời gian tới.

- “CĐS là quá trình thay đổi tổng thể và toàn diện của các cá nhân, tổ chức về cách sống, cách làm việc và phương thức sản xuất dựa trên các công nghệ số”; hướng đến mục tiêu “thúc đẩy phát triển kinh tế số, xã hội số; làm thay đổi phương thức quản lý nhà nước, mô hình sản xuất kinh doanh, tiêu dùng và đời sống văn hóa, xã hội”.
- CĐS đã trở thành yêu cầu tất yếu khách quan đối với mỗi quốc gia và trong mọi lĩnh vực. **CĐS là phương thức quan trọng để thực hiện ý chí, khát vọng phát triển của Việt Nam trong những thập niên tới.**
- CĐS phù hợp với Việt Nam: vì “lợi thế dân số vàng”; “con người Việt Nam thông minh, cần cù”; “Việt Nam với lợi thế của nước đi sau”; “Nguồn tài nguyên hữu hạn ngày càng cạn kiệt”; Nguồn tài nguyên dữ liệu số thì càng dùng càng giá trị ...; là con đường ngắn nhất để Việt Nam bứt phá, theo kịp các nước phát triển.
- Xây dựng **Chính phủ số**: Là để CP hoạt động hiệu lực, hiệu quả, minh bạch hơn, giảm tham nhũng. **Kinh tế số**: Là để thúc đẩy đổi mới sáng tạo, tạo ra giá trị mới, tăng năng suất lao động. **Xã hội số**: Giúp người dân bình đẳng trong tiếp cận dịch vụ, được đào tạo, tiếp cận tri thức, thu hẹp khoảng cách giàu nghèo, vùng sâu, vùng xa.

7. Lần đầu tiên một khái niệm mới về công nghệ được đưa vào Nghị quyết của Đảng – **được coi là công cuộc đổi mới lần hai**

- Trong các văn kiện của Đại hội XIII, **có tới 21 lần Đảng nhấn mạnh cụm từ “chuyển đổi số”**, yêu cầu: “Thúc đẩy mạnh mẽ chuyển đổi số quốc gia, phát triển kinh tế số, xã hội số để tạo bứt phá về nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế”; “Phát triển nhanh và bền vững dựa chủ yếu vào khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số”; “Phát triển mạnh mẽ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số để tạo bứt phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh”; “Hoàn thiện thể chế để thúc đẩy quá trình chuyển đổi số”.

- Yêu cầu Ban cán sự Đảng, Thành ủy, Tỉnh ủy từ Trung ương đến địa phương ban hành Nghị quyết về Chuyển đổi số để triển khai trong toàn hệ thống chính trị - Thể hiện quyết tâm cao của Đảng và Nhà nước để đưa Khát vọng của dân tộc Việt Nam thành hiện thực: 2030 (100 năm thành lập Đảng) **GDP/đầu người đạt 7.500 USD**; vào năm 2045 (100 năm thành lập nước) – Việt Nam trở thành nước phát triển, có thu nhập cao, **GDP/đầu người đạt 23.000 USD**.

(* Vì vậy chỉ có con đường tiếp tục CCHC và CDS Việt Nam mới có thể bứt phá vượt lên, đạt kỳ vọng!

8. Xây dựng CSDL quốc gia về CBCCVV trong các cơ quan nhà nước

- Thực hiện Quyết định 893/QĐ-TTg ngày 25/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án.
- Quan điểm, mục tiêu:
 - + Bảo đảm thống nhất về quản lý cán bộ, công chức, viên chức và tổ chức bộ máy, biên chế;
 - + Xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức phải phù hợp, thống nhất, đồng bộ với quá trình xây dựng Chính phủ điện tử/Chính quyền điện tử;
 - + Ngoài việc phục vụ công tác thống kê, báo cáo, hoạch định chính sách, còn phải gắn với công tác **quản lý điều hành, giảm thiểu** các quy trình, thủ tục liên quan đến công tác cán bộ như: **kê khai, bổ sung sơ yếu lý lịch và tài sản, thu nhập, thẩm tra, xác minh...** góp phần **đổi mới** quan trọng công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức trong thời gian tới (Hạn chế sai sót trong công tác bổ nhiệm, nâng lương, đánh giá, thi đua-khen thưởng....)
 - + CSDL phải được từng CBCCVV cũng như lãnh đạo các cơ quan nhà nước **quan tâm, chung tay xây dựng và cập nhật thường xuyên**, liên tục, được quản lý theo quy định, **liên thông trong toàn hệ thống chính trị**.
 - + Là một trong những **cấu phần quan trọng** trong tiến trình xây dựng Chính phủ điện tử, hướng tới nền kinh tế số, xã hội số.

- Yêu cầu, thời gian, tiến độ:

+ Năm 2022 trở đi: Bộ Nội vụ đưa vào tổ chức quản lý, vận hành, khai thác cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức, gắn với công tác cải cách hành chính liên quan đến công tác quản lý cán bộ của các cơ quan nhà nước.

+ Các bộ, ngành, địa phương: a) Xây dựng kế hoạch triển khai; b) Quản lý, vận hành, duy trì cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức của từng bộ, ngành, địa phương; c) thường xuyên cập nhật dữ liệu, đồng bộ về cơ sở dữ liệu quốc gia.

- Bộ Nội vụ đã, đang triển khai thế nào?

+ Ban hành Kế hoạch triển khai Đề án 893 (Quyết định số 612/QĐ-BNV ngày 04/9/ 2020)

+ Xây dựng mẫu thông tin đầu vào (Mẫu SYLL hợp nhất 2c BNV và 2c TW, định hướng thực hiện Đề án cải cách tiền lương), đầu ra, các quy trình nghiệp vụ

+ Thiết lập hạ tầng kỹ thuật để tạo lập, cài đặt hệ thống

+ Xây dựng Phần mềm cập nhật/quản lý/chuyển đổi dữ liệu của các bộ, ngành, địa phương về CSDL quốc gia.

+ Chạy thử nghiệm tại 3 đơn vị: Bộ Nội vụ, Đà Nẵng, Bến tre; sau đó sẽ triển khai các đơn vị còn lại.

+ Kết nối với CSDL quốc gia về dân cư (Đề án 06 của Chính phủ); CSDL Bảo hiểm xã hội Việt nam để đối chiếu, rà soát dữ liệu (Làm sạch dữ liệu)

+ Sử dụng CCCD gắn chip, VNeID, thẻ CCVC điện tử để xác thực, truy cập dữ liệu cá nhân.

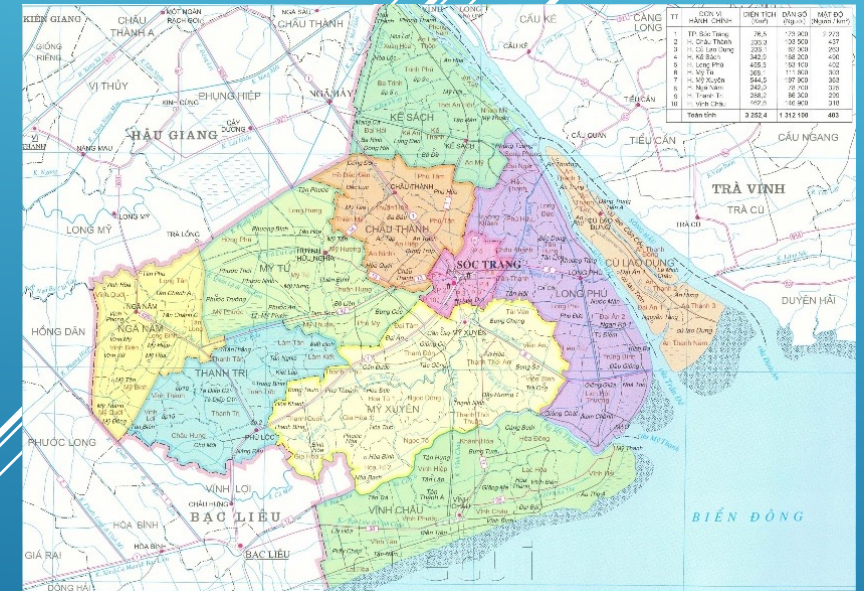
(*) Tại sao việc xây dựng CSDL CBCCVC quan trọng đối với CCHC, xây dựng Chính phủ số?

- + Là CSDL cung cấp thông tin tạo lập **Định danh Công chức, viên chức số** - là những thành tố, tế bào của Chính phủ số.
- + Có thông tin, dữ liệu mới thực hiện được công tác quản lý, sử dụng CBCCVC trên môi trường điện tử: Thông báo nâng lương, nghỉ hưu, bổ nhiệm lại, số lượng, chất lượng....)
- + Đánh giá, giám sát hoạt động công vụ, kiểm tra tiến độ, chất lượng thực hiện nhiệm vụ, thái độ phục vụ nhân dân của CBCCVC công khai, minh bạch.

- Một số mô hình triển khai:

- + Quảng Ninh: Triển khai xây dựng CSDL thống nhất trong hệ thống chính trị
- + Đà Nẵng: Xây dựng Phần mềm/CSDL gắn với Đánh giá kết quả làm việc; Quản lý Kế hoạch cải cách hành chính.
- + Bộ Nội vụ: Xây dựng CSDL gắn với việc cấp thẻ CCVC điện tử.

PHẦN 2: HIỆN TRẠNG VỀ CCHC, XÂY DỰNG CSDL CBCCVC CỦA TỈNH SÓC TRĂNG



1. Thông tin chung:

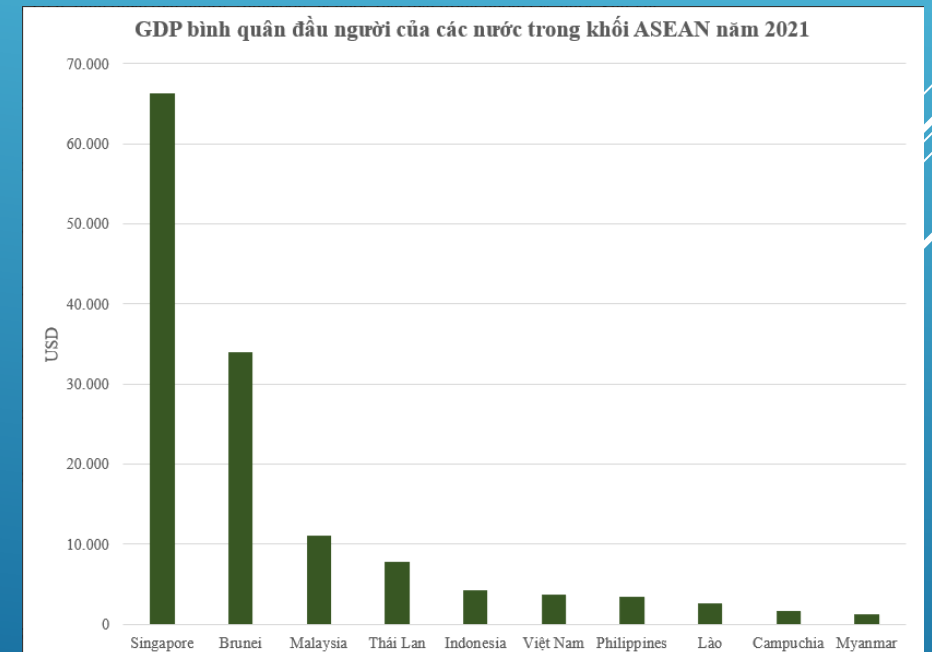
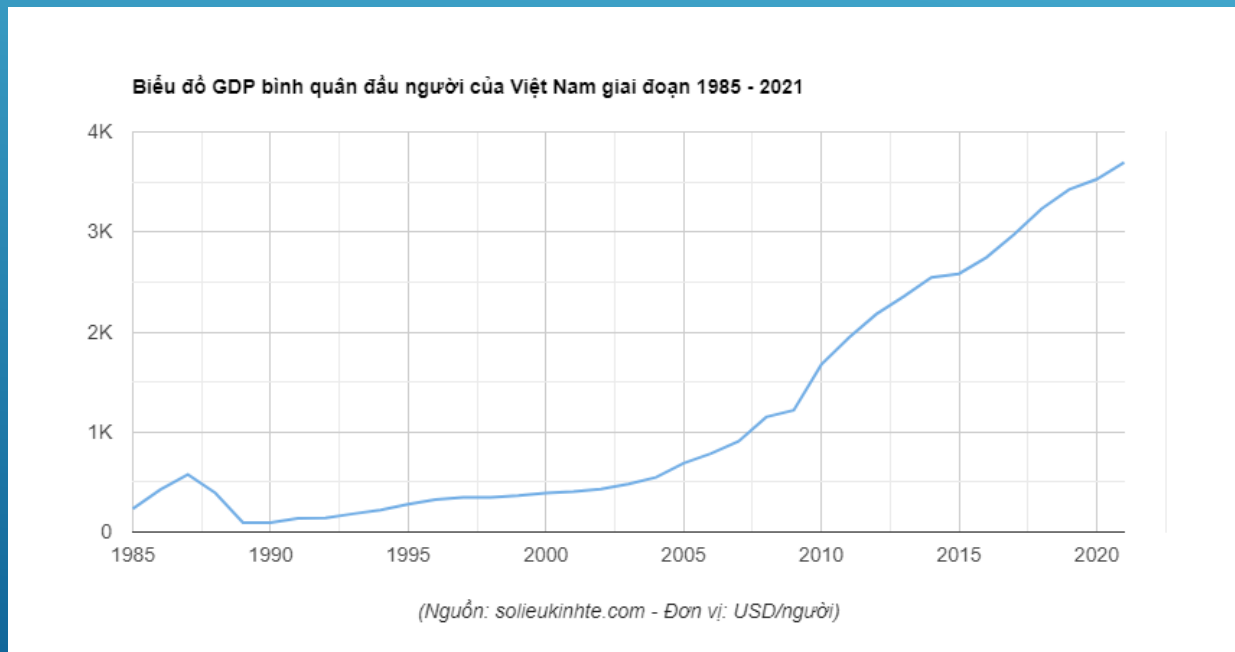
- Cách đây 30 năm, tại kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa VIII, quyết định phân chia tỉnh Hậu Giang (cũ) thành 2 tỉnh Cần Thơ và Sóc Trăng. Tháng 4.1992, tỉnh Sóc Trăng chính thức đi vào hoạt động.

Hiện nay (2021) Sóc trăng có:

- Dân số: **1.621.000** người
- Diện tích: **3.311,6** km²
- Có **11** đơn vị hành chính **cấp huyện**, bao gồm 1 thành phố, 2 thị xã và 8 huyện với **109** đơn vị hành chính **cấp xã**, bao gồm 17 phường, 12 thị trấn và 80 xã.
- Có **612** đơn vị sự nghiệp công lập.
- Số lượng CCVC: **22.969** người (trong đó: công chức: 1.878, viên chức: 21.091 người)
- GRDP/đầu người: **2.031** USD (Tăng 20 lần so với năm 1992); quy mô kinh tế (GRDP) của tỉnh đạt **57.120** tỉ đồng, tăng 38 lần so năm 1992. (GDP bình quân đầu người của Việt Nam vào năm 2021 là **3.694,02** USD/người).

2. Mục tiêu phát triển (kinh tế):

- Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XIII: “2030 (100 năm thành lập Đảng) GDP/đầu người đạt 7.500 USD; vào năm 2045 (100 năm thành lập nước) – Việt Nam trở thành nước phát triển, có thu nhập cao, GDP/đầu người đạt 23.000 USD.”
- GDP của Việt Nam:



- Mục tiêu kỳ vọng tăng GRDP của Sóc trăng (Theo tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng XIII):

(*) 10 năm nữa: GRDP của Sóc trăng phần đầu tăng gấp đôi. 25 năm nữa tăng gấp 6 lần.

GRDP/người (USD)			
Năm	2021	2030	2045
Việt Nam	3694	7500	23000
Sóc Trăng	2031	4124	12646
		+ 2093	

- Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Tỉnh Sóc Trăng: “Phần đầu đến năm 2030, thu nhập bình quân đầu người bằng bình quân khu vực đồng bằng sông Cửu Long”; “quy mô kinh tế đạt 150.000 tỷ đồng”
- Nghị quyết số 78/NQ-CP ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 2/4/2022 của Bộ Chính trị về Phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.
+ GRDP bình quân đầu người đạt khoảng 146 triệu đồng/người/năm (5.800 USD).

- + Chú trọng đầu tư, phát triển hạ tầng số để xây dựng chính quyền số, kinh tế số và hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện chuyển đổi số, phát triển sản xuất thông minh. Nâng cao hiệu quả hoạt động của các khu công nghệ cao, khu công nghệ thông tin tập trung, vườn ươm công nghệ.
- Nghị quyết 07-NQ/TU ngày 27/10/2021 của Tỉnh ủy Sóc Trăng về CDS tỉnh Sóc Trăng đến 2025, định hướng 2030:
 - + 2025 Kinh tế số chiếm 20% GRDP; **2030 Kinh tế số chiếm 30% GRDP (tương ứng 45.000 tỷ đồng)**
 - + Phát triển 5G (đô thị, khu công nghiệp), Phát triển IoT; tiếp nhận chuyển giao các hệ thống thông tin, kết nối dữ liệu quốc gia (Trong đó có CSDL quốc gia CBCCVC) phục vụ chính quyền số, đô thị thông minh.

(*) Vì vậy Sóc Trăng cần tiếp nỗ lực vượt bậc, tiếp tục đẩy mạnh CCHC, CDS, thúc đẩy đổi mới, sáng tạo, nâng cao năng lực cạnh tranh để đạt được mục tiêu trên.

2. Hiện trạng CCHC, CDS của tỉnh Sóc Trăng:

2.1 Về CCHC:

- Chỉ số hài lòng (SIPAS) năm 2021: Tại khu vực ĐBSCL, tỉnh Sóc Trăng có Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính đạt 89,51%, **đứng thứ 9/63** tỉnh thành cả nước và **đứng đầu khu vực ĐBSCL**; so với năm 2020, chỉ số SIPAS của Sóc Trăng **tăng 0,84%, tăng 5 bậc**. (Đứng thứ 2 về chỉ số SIPAS tại ĐBSCL là tỉnh Đồng Tháp - đạt 89,51%).
- Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX) năm 2021, Sóc Trăng **vươn lên 1 bậc**, đứng vị trí 18/63 tỉnh thành trong cả nước (năm 2020 đứng 19/63), đồng thời tỉnh **Sóc Trăng cũng là địa phương có chỉ số PAR INDEX cao nhất khu vực ĐBSCL**.
- Tuy nhiên, so với năm 2020:
 - + **Hiện đại hóa hành chính** đạt giá trị 85,25%, mặc dù tỷ lệ điểm tăng nhưng vị trí xếp hạng **giảm 5 bậc**.
 - + Tác động của cải cách hành chính đến người dân, tổ chức và phát triển kinh tế - xã hội **giảm 9 bậc**.
 - + **Chỉ số Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức: giảm 40 bậc**.

2.2 Về CDS:

- Chỉ số chuyển đổi số (DTI) năm 2021: **đứng thứ 56/63** tỉnh/thành phố, **tăng 1 bậc** so với năm 2020 (đứng thứ 57/63 tỉnh/thành phố).
- (Các nội dung được và chưa được đã được nêu trong BC về CDS của Cục CDS quốc gia)**

3. Hiện trạng về xây dựng CSDL CBCCVV của tỉnh Sóc Trăng:

- Tổng số đơn vị các cấp tham gia sử dụng phần mềm (tỉnh/huyện/xã): 752 đơn vị
- Thời điểm áp dụng gần nhất: tháng 06 /năm 2020
- Các trường thông tin quản lý đã đầy đủ so với quyết định 4223/QĐ-BNV không: Không
- Tổng số lượng hồ sơ CBCCVV được lưu trữ và xử lý trong phần mềm: 200 hồ sơ
- Tổng số lượng hồ sơ CBCCVV chưa được lưu trữ trong phần mềm: 22.895 hồ sơ (giấy)
- Tổng số đơn vị các cấp tham gia sử dụng phần mềm (tỉnh/huyện/xã) đã triển khai ký số trên phần mềm: 04 đơn vị.

<Tham chiếu>

(*) Triển khai chưa quyết liệt, đồng bộ; dữ liệu cập nhật chưa đầy đủ.

Các vấn đề cần lưu ý:

- Mẫu phiếu thông tin đầu vào (SYLL điện tử; lương mới – theo vị trí việc làm; tài sản, thu nhập; các quy định về đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá...)
- Chuẩn hóa, tích hợp liên thông dữ liệu với CSDL quốc gia.
- Mã định danh công chức, viên chức.
- Thẻ CCVC (điện tử).
- Mã định danh công dân.
- Kết nối CSDL dân cư theo Đề án 06; CSDL bảo hiểm.
- Cắt giảm Quy trình, thủ tục, giảm hồ sơ giấy trong công tác cán bộ.

PHẦN 3: KHUYẾN NGHỊ TRIỂN KHAI CDS TRONG VIỆC XÂY DỰNG CSDL CBCCVC NĂM 2023



- Rà soát, ban hành Kế hoạch triển khai: (3-6 tháng)
 - Phối hợp chặt chẽ với Bộ Nội vụ để hiệu chỉnh phần mềm, CSDL (hiện có hoặc xây dựng mới).
 - Cấp phát tài khoản, cấp mã định danh điện tử (tổ chức, cá nhân); cấp thẻ CCVC điện tử (nếu có).
 - Hoàn thành việc thu thập, cập nhật dữ liệu/Đối chiếu, rà soát với CSDL dân cư, Bảo hiểm xã hội để làm sạch dữ liệu. CBCCV tự kê khai, cập nhật; in SYLL ra giấy, ký tên, nộp cho tổ chức (lưu).
 - Đồng bộ, tích hợp với CSDL quốc gia về CBCCV.
 - Cải cách thủ tục hành chính liên quan đến công tác cán bộ: Bỏ SYLL giấy, viết tay (chỉ in, trích xuất từ CSDL của tỉnh); Quyết định bổ nhiệm, nâng lương, Được thực hiện hoàn toàn trên phần mềm.
 - Xác minh tài sản, thu nhập trên phần mềm.
 - Có “Chế tài” đối với việc cập nhật dữ liệu khi có biến động.
 - Cấp biên chế trên phần mềm.
 - Phần mềm, nền tảng số áp dụng chung cho Vùng ĐBSCL?
- (*) Cổng dịch vụ công TT theo Nghị định 42 (TTHC: Không chỉ thành lập DN xong là xong)
- (*) Hệ thống bồi dưỡng CBCCV theo hình thức eLearning
- (*) Các nội dung khác của CDS

(*) Tin tưởng chắc chắn rằng trong 3-6 tháng sẽ hoàn thành việc xây dựng CSDL CBCCV Sóc Trăng, làm nền tảng quan trọng cho việc CDS, xây dựng chính quyền số của tỉnh!



Ví dụ



Thank you!